TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2020/QĐST-DS	*Ứng Hòa, ngày 16 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP. HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP Đ
Địa chỉ: Số 22 N, phường T, quận H, TP. Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Quang H1 và ông Hoàng Văn C (Theo giấy ủy quyền số 7071/UQ-PVB ngày 03/6/2019) (Ông Huy có mặt)

**** Bị đơn:*** +Anh Nguyễn Thế H2 – sinh năm 1984
+ Chị Nguyễn Thị H3 – sinh năm 1989
Đều có HKTT: Thôn V, xã T, huyện Ư, Hà Nội

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**
+ Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1961
+ Anh Nguyễn Đình Hoàn – sinh năm 1992
Đều có HKTT: Thôn V, xã T, huyện Ư, Hà Nội
(Anh H2, bà Đ và anh H4 đều có Giấy ủy quyền cho chị H3)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ:

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thế H2 và bà Nguyễn Thị H3 xác nhận ngày 09/9/2015 đã ký kết Hợp đồng cho vay số 100/2015/HĐTD/PVB-CNĐĐ với Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đ1 (sau đây gọi tắt là P) để vay 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); mục đích vay vốn: thanh toán tiền thuê nhân công, mua nguyên vật liệu sửa chữa căn nhà tại địa chỉ đội 9, thôn Văn Ông, xã Tảo Dương Văn. Ông H2, bà H3 đã được P giải ngân là 250.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số: 01/2015/KUNN/PVB-CNĐĐ ngày 15/9/2015 và khế ước nhận nợ số: 02/2015/KUNN/PVB-CNĐĐ ngày 23/9/2015. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm…. và các thỏa thuận khác.

Nay anh H2, chị H3 xác nhận hiện còn nợ P số tiền tính đến ngày 15/9/2020 cụ thể là: **327.849.214 đồng (***Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bón mươi chin nghìn hai trăm mười bốn đồng)*, trong đó nợ gốc 173.589117 đồng, nợ lãi trong hạn 91.166.441 đồng, nợ lãi quá hạn 63.084.657 đồng.

2.2. Các bên thống nhất thỏa thuận về thời hạn và phương thức thanh toán cụ thể:

P và anh Nguyễn Thế H2, bà Nguyễn Thị H3 thỏa thuận thống nhất: anh H2, chị H3 phải có trách nhiệm thanh toán cho P làm 06 kỳ, các kỳ thanh toán cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Đến ngày 28/11/2020, anh H2, chị H3 phải có trách nhiệm thanh toán cho P 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 2: Đến ngày 28/12/2020, anh H2, chị H3 phải có trách nhiệm thanh toán cho P 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 3: Đến ngày 28/01/2021, anh H2, chị H3 phải có trách nhiệm thanh toán cho P 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 4: Đến ngày 28/02/2021, anh H2, chị H3 phải có trách nhiệm thanh toán cho P 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 5: Đến ngày 28/3/2021, anh H2, chị H3 phải có trách nhiệm thanh toán cho P 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 6: Đến ngày 28/4/2020, anh H2, chị H3 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 77.849.214 đồng và tiền nợ lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 16/9/2020 theo theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 100/2015/HĐTD/PVB-CNĐĐ ngày 09/9/2015 và 02 Khế ước nhận nợ số:

01/2015/KUNN/PVB-CNĐĐ ngày 15/9/2015 và khế ước nhận nợ số: 02/2015/KUNN/PVB-CNĐĐ ngày 23/9/2015 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của P) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Toàn bộ số tiền anh H2, chị H3 thanh toán, P thu vào nợ gốc trước.

Trường hợp anh H2, chị H3 thanh toán toàn bộ khoản nợ cho P và có đơn xin miễn, giảm tiền lãi, P sẽ xem xét miễn, giảm tiền lãi và có nghĩa vụ phải giải chấp tài sản thế chấp cho anh H2, chị H3.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thoả thuận nêu trên thì P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho P, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 111, tờ bản đồ 19, diện tích 247,3 m^2 tại địa chỉ: thôn Văn Ông, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 814361, số vào sổ cấp GCN: CH03461 do UBND huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội cấp ngày 24/06/2014 cho bà Nguyễn Thị Đ. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 5028.2015/HĐTC ngày 09/9/2015 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội ngày 14/9/2017.

Trường hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả P cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 8.196.230 đồng.

Bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn 50%. Buộc anh Nguyễn Thế H2, chị Nguyễn Thị H3 phải nộp số tiền 4.098.115đ (*Bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn một trăm mười lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối trừ với số tiền Ngân hàng TMCP Đ đã nộp 7.200.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009581 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa. Buộc Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam còn phải nộp 996.230đ (*Chín trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Minh